

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HS-ST

Ngày: 12-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tân

2. Ông Bùi Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự thụ lý số 39/2019/TLST-HS ngày 28/5/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 41/2019/QĐXXST-HS ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T sinh ngày 06/6/2000 tại Bình Phước; Tên gọi khác: B; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không xác định được và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: không; tiền sự: Ngày 02/01/2019 bị Công an huyện H xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị bắt từ ngày 18/3/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Điều Thanh D, sinh ngày 02/8/2003

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

-Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Điều Đ, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Tô Xuân C**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 4, ấp S, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Ông **Điểu Đ**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

Điểu Thanh P, sinh năm 2004.

Đại diện hợp pháp cho Điều Thanh P: Ông Điều G, sinh năm 1969

Địa chỉ: tổ 3, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 03/02/2019 Nguyễn Văn T đến tiệm Internet N N thuộc tổ 5, ấp H, xã T, huyện H tỉnh Bình Phước. Thấy trước cửa tiệm có nhiều xe máy của khách đến chơi nên T nảy sinh ý định muốn lấy xe đem bán. T đi vào bên trong tiệm Internet bắt chuyện với Điều Thanh P vì trước đó T cũng đã gặp P nhiều lần sau đó hỏi mượn xe nhưng P nói không có xe. Ngay sau đó T hỏi D là người ngồi kế bên P mượn xe để lên trường cấp III Trần Phú đón nhỏ em. Do thấy T trước đó có nói chuyện với P nên nghĩ quen với P. D đồng ý cho T mượn xe. Sau khi lấy được xe, T điều khiển xe chạy về thị xã B gặp Nguyễn Hữu D để cầm xe cho D nhưng do không có tiền nên D gọi điện cho Tô Xuân C đồng thời chỉ đường cho T đến địa điểm gặp C để giao dịch.

Sau khi gặp C, T đã bán chiếc xe mà T lấy của D với số tiền 15.000.000đ.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKSHQ ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 174 điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều, 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 đến 20 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: không .

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đầy đủ cơ sở khách quan xác định vào ngày 28/03/2019 bị cáo Nguyễn Văn T đã nói dối với bị hại cho mượn xe để đi đón em gái đang học tại trường cấp III Trần Phú. Tuy ban đầu bị hại chưa đồng ý vì bị hại chuẩn bị về nhưng T vẫn cố năn nỉ bị hại và hứa đi đón em xong là trả xe ngay. Do cả tin nên bị hại đã giao tài sản là xe Exciter cho T.

Sau khi nhận được xe bị cáo đã đem bán cho Tô Xuân C được 15.000.000đ

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTTTHS ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H chiếc xe nhãn hiệu YaMaHa, số loại Exciter có giá trị là 36.000.000đ

Trên cơ sở đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Hữu D là người gọi điện liên lạc cho C và chỉ đường cho T đến gặp C để mua bán xe. T không nói cho D biết về nguồn gốc xe mà T bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xem xét trách nhiệm của D.

Đối với Tô Xuân C là người trực tiếp mua xe của T. Về ý thức C biết rõ xe này khi T bán không có giấy chứng nhận đăng ký, giữa T và C không quen biết nhau nhưng C khai tại cơ quan điều tra tin vào lời của T là xe của T bị mất giấy cần tiền xài tết nên bán, lời khai ban đầu của T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa T xác định ban đầu nói với C “xe của bà già nên không lấy được giấy” C không mua sau đó T mới nói lại là xe của T bị mất giấy. Do C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra, đã tiến hành đối chất giữa C và T. T đã xác định rõ không nói cho C biết nguồn gốc xe do T lừa đảo mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với C.

Tuy nhiên xét về ý thức của C tin vào lời nói của T là xe bị mất giấy nên bán 15.000.000đ không được thuyết phục bởi lẽ: Nếu là xe bị mất giấy có thể làm lại giấy

khác thực tế chiếc xe có giá trị trên 50.000.000đ, đối với D cũng chưa làm việc được với D. Do vậy cần thiết kiến nghị với cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H trao đổi cung cấp các thông tin có liên quan với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh làm rõ nếu có căn cứ cần xử lý hình sự đối với D và C.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã thực hiện hành vi trộm 01 bình Ấc qui và một xe máy của anh Lê Văn C₁ đem bán nhưng do xe máy và bình ắc qui đã cũ, xe máy bị mất không có thông tin chi tiết nên không định giá được giá trị tài sản. Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Do đó, cần có một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội đối với người dưới 16 tuổi qui định tại điểm i khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp với tính chất vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H không thu hồi được vật chứng.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000đ. Bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền trên cho ông Đ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày 28/3/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của bộ luật hình sự;

Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho ông Điều Đ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với Tô Xuân C do vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niên yết theo qui định./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- *Bộ phận HSNVCS CA H;*
- *Phòng HSNVCS CA tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Lưu hồ sơ.*

Lê Thành Liêm